

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2423** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **02** tháng **6** năm **2021**

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt chi tiết tổng mức đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1)

Các dự án thành phần 5, 6, 7 và 8

**Dự án: Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế
toàn diện**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: số 1495/QĐ-LĐTBXH ngày 29/10/2018 về việc phê duyệt đầu tư dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”; số 252/QĐ-LĐTBXD ngày 26/02/2021 phê duyệt Quy chế quản lý dự án;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 4253/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/10/2018, số 3370/QĐ-BNN-HTQT ngày 26/8/2020 phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án thành phần 5, 6, 7, 8;

Xét Tờ trình của các Chủ dự án: (i) số 195/TTr-CDHN-KTKT ngày 12/5/2021 của Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội; (ii) số 235/TTr-CDPT ngày 10/5/2021 và 249/TTr-CDPT ngày 17/5/2021 của Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ; (iii) số 1034/TTr-CDXD-TCKT và 1035/TTr-CDXD-TCKT ngày 07/5/2021 của Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh và (iv) số 134/TTr-CDKTKT&TS-TCKT ngày 07/5/2021 và số 138/TTr-CDKTKT&TS-TCKT ngày 10/5/2021 của Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật và Thủy sản về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt chi tiết tổng mức đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, các dự án thành phần 5, 6, 7 và 8;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo thẩm định số 644/BC-XD-CD ngày 24/5/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chi tiết tổng mức đầu tư các dự án thành phần 5, 6, 7 và 8 (do Bộ Nông nghiệp và PTNT là cơ quan chủ quản) thuộc dự án Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) các dự án thành phần 5, 6, 7 và 8 thuộc dự án Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 3. Các chủ dự án có trách nhiệm:

- Thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP nêu trên làm cơ sở xét thầu và chịu trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ, lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành. Lưu ý thực hiện quy định về chuyển tiếp tại khoản 5, 6, 7, 8 Điều 44 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

- Trong quá trình triển khai, lưu ý các ý kiến của Cục Quản lý xây dựng công trình tại Mục VI Báo cáo thẩm định nêu trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Hợp tác quốc tế; Hiệu trưởng các Trường: Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ, Cao đẳng Cơ điện Hà Nội, Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh, Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật và Thủy sản và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Kho bạc NN;
- Lưu: VT, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

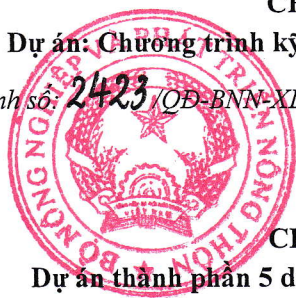


Lê Quốc Doanh

Phụ lục I
CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện

(Kèm theo Quyết định số: **2423/QĐ-BNN-XD** ngày **02** tháng **6** năm **2021** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)



Bảng 1
CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án thành phần 5 do Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội làm Chủ dự án

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi phí	Cơ sở tính toán	Tổng mức đầu tư		
			Vốn vay ADB	Vốn đối ứng (*)	Tổng cộng
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Tạm tính	118.024.400	0	118.024.400
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	TT 16/2019/TT-BXD		1.641.081	1.641.081
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		0	992.294	992.294
1	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	TT 16/2019/TT-BXD		490.691	490.691
2	Chi phí thẩm định giá thiết bị	Tạm tính		177.037	177.037
3	Chi phí kiểm định chất lượng thiết bị	Tạm tính		324.566	324.566
V	CHI PHÍ KHÁC		0	15.561.474	15.561.474
1	Thuế, phí, lệ phí của thiết bị nhập khẩu	Tạm tính		15.225.148	15.225.148
2	Chi phí kiểm toán quyết toán	TT 10/2020/TT-BTC		197.551	197.551
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán			138.775	138.775
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	TT09/2019/TT-BXD	10.467.578	1.735.887	12.203.465
	TỔNG CỘNG		128.491.978	19.930.735	148.422.713

Tổng vốn đối ứng là 19.930.735.000 đồng, trong đó:

(i) vốn do Bộ cấp phát là 19.783.204.000 đồng.

(*) (ii) vốn do Trường tự bố trí là 147.531.000 đồng.

Nội dung chi từ nguồn vốn đối ứng phải tuân thủ theo điểm a khoản 9 Điều 1 Quyết định số 4253/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/10/2018 của Bộ.

Bảng 2
CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án thành phần 6 do Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ làm Chủ dự án

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi phí	Cơ sở tính toán	Tổng mức đầu tư		
			Vốn vay ADB	Vốn đối ứng (*)	Tổng cộng
I	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Tạm tính	72.630.400	584.000	73.214.400
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	TT 16/2019/TT-BXD		1.301.848	1.301.848
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		0	681.938	681.938
1	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	TT 16/2019/TT-BXD		404.341	404.341
2	Chi phí thẩm định giá thiết bị	Tạm tính		109.822	109.822
3	Chi phí kiểm định chất lượng thiết bị	Tạm tính		167.775	167.775
IV	CHI PHÍ KHÁC		0	9.578.672	9.578.672
1	Thuế, phí, lệ phí của thiết bị nhập khẩu	Tạm tính		9.369.322	9.369.322
2	Chi phí kiểm toán quyết toán	TT 10/2020/TT-BTC		122.968	122.968
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán			86.382	86.382
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	TT09/2019/TT-BXD	6.515.659	1.094.837	7.610.496
	TỔNG CỘNG		79.146.059	13.241.294	92.387.353

Tổng vốn đối ứng là 13.241.837.000 đồng, trong đó:

(i) vốn do Bộ cấp phát là 12.552.712.000 đồng.

(*) (ii) vốn do Trường tự bố trí là 688.582.000 đồng.

Nội dung chi từ nguồn vốn đối ứng phải tuân thủ theo điểm a khoản 9 Điều 1 Quyết định số 4253/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/10/2018 của Bộ.



Bảng 3
CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án thành phần 7 do Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh làm Chủ dự án

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi phí	Cơ sở tính toán	Tổng mức đầu tư		
			Vốn vay ADB	Vốn đối ứng (*)	Tổng cộng
I	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Tạm tính	79.439.500	241.972	79.681.472
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	TT 16/2019/TT-BXD		1.370.683	1.370.683
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		0	737.187	737.187
1	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	TT 16/2019/TT-BXD		417.251	417.251
2	Chi phí thẩm định giá thiết bị	Tạm tính		119.522	119.522
3	Chi phí kiểm định chất lượng thiết bị	Tạm tính		199.204	199.204
4	Chi phí thẩm định kết quả LCNT gói thầu mua sắm thiết bị phụ trợ	NĐ 63/2014/NĐ-CP		1.210	1.210
IV	CHI PHÍ KHÁC		0	10.555.324	10.555.324
1	Thuế, phí, lệ phí của thiết bị nhập khẩu	Tạm tính		10.327.135	10.327.135
2	Chi phí kiểm toán quyết toán	TT 10/2020/TT-BTC		134.033	134.033
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán			94.156	94.156
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	TT09/2019/TT-BXD	7.102.001	1.254.584	8.356.585
	TỔNG CỘNG		86.541.501	14.159.750	100.701.251

Tổng vốn đối ứng là 14.159.750.000 đồng, trong đó:

(i) vốn do Bộ cấp phát là 13.754.359.000 đồng.

(*) (ii) vốn do Trường tự bố trí là 405.391.000 đồng.

Nội dung chi từ nguồn vốn đối ứng phải tuân thủ theo điểm a khoản 9 Điều 1 Quyết định số 4253/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/10/2018 của Bộ.



Bảng 4
CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án thành phần 8 do Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản làm Chủ dự án

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi phí	Cơ sở tính toán	Tổng mức đầu tư		
			Vốn vay ADB	Vốn đối ứng (*)	Tổng cộng
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Tạm tính	0	2.470.000	2.470.000
	Cải tạo, xây dựng mới nhà để thiết bị			2.470.000	2.470.000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Tạm tính	102.136.500	0	102.136.500
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	TT 16/2019/TT-BXD		1.599.568	1.599.568
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		0	1.520.484	1.520.484
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo KTKT hạng mục xây dựng và thiết kế phương án lắp đặt thiết bị	Tạm tính		420.000	420.000
2	Chi phí thẩm tra báo cáo KTKT-dự toán xây dựng	TT 16/2019/TT-BXD		15.057	15.057
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	TT 16/2019/TT-BXD		81.140	81.140
4	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	TT 16/2019/TT-BXD		440.523	440.523
5	Chi phí thẩm định giá thiết bị	Tạm tính		153.205	153.205
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT xây dựng	TT 16/2019/TT-BXD		10.670	10.670
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	TT 16/2019/TT-BXD		81.140	81.140
8	Chi phí kiểm định chất lượng thiết bị	Tạm tính		318.750	318.750
V	CHI PHÍ KHÁC		0	15.225.137	15.225.137
1	Thuế, phí, lệ phí của thiết bị nhập khẩu	Tạm tính		14.911.929	14.911.929
2	Phí thẩm định thiết kế	TT 210/2016/TT-BTC		3.705	3.705
3	Phí thẩm định dự toán			3.593	3.593
4	Chi phí kiểm toán quyết toán	TT 10/2020/TT-BTC		179.685	179.685
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán			126.225	126.225
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	TT09/2019/TT-BXD	9.485.622	2.061.980	11.547.602
	TỔNG CỘNG		111.622.122	22.877.169	134.499.291

Tổng vốn đối ứng là 22.877.169.000 đồng, trong đó:

(i) vốn do Bộ cấp phát là 21.751.716.000 đồng.

(*) (ii) vốn do Trường tự bố trí là 1.125.453.000 đồng.

Nội dung chi từ nguồn vốn đối ứng phải tuân thủ theo điểm a khoản 9 Điều 1 Quyết định số 4253/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/10/2018 của Bộ.



Phụ lục II

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án: Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện

(Kèm theo Quyết định số: 2423/QĐ-BNN-XD ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)



Bảng 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (ĐỢT 1)

Dự án thành phần 5 do Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội làm Chủ dự án

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (nghìn đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng		
1	Gói thầu số 01/TV. Tư vấn quản lý dự án (*)	1.301.848	Vốn đối ứng	Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng)	01 giai đoạn 02 túi hồ sơ	Năm 2021	Trộn gói	Theo tiến độ dự án		
2	Gói thầu số 02/TV. Thẩm định giá thiết bị	177.037		Chỉ định thầu (quy trình rút gọn)				30 ngày		
3	Gói thầu số 03/TV. Giám sát lắp đặt thiết bị	490.691						Theo tiến độ gói thầu mua sắm thiết bị		
4	Gói thầu số 04/TV. Kiểm định chất lượng thiết bị	324.566								
TỔNG CỘNG		2.294.142								

(*) Chi triển khai sau khi có ý kiến chấp thuận của Nhà tài trợ ADB. Đơn vị tư vấn quản lý dự án phải có năng lực phù hợp theo quy định tại Điều 83 và 94 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

Bảng 2

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (ĐỢT 1)

Dự án thành phần 6 do Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ làm Chủ dự án

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (nghìn đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01/TV. Thẩm định giá thiết bị	109.822	Vốn đối ứng	Chỉ định thầu (quy trình rút gọn)		Năm 2021	Trọn gói	30 ngày
TỔNG CỘNG		109.822						

[Signature]



Bảng 3

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (ĐỢT 1)

Dự án thành phần 7 do Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh làm Chủ dự án

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (nghìn đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01/TB. Mua sắm thiết bị phụ trợ	241.972	Vốn đối ứng	Chỉ định thầu (quy trình rút gọn)		Năm 2021	Trộn gói	30 ngày
2	Gói thầu số 02/TV. Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01/TB	1.210						Theo tiến độ gói thầu số 01/TB
TỔNG CỘNG		243.182						



Bảng 4

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (ĐỢT 1)

Dự án thành phần 8 do Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản làm Chủ dự án

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (nghìn đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01/TV. Khảo sát, lập báo cáo KTKT hạng mục xây dựng và thiết kế phương án lắp đặt thiết bị	420.000	Vốn đối ứng	Chỉ định thầu (quy trình rút gọn)		Năm 2021	Trộn gói	60 ngày
2	Gói thầu số 02/TV. Thẩm tra báo cáo KTKT-dự toán xây dựng	15.057						30 ngày
3	Gói thầu số 03/TV. Thẩm định giá thiết bị	153.205						30 ngày
4	Gói thầu số 04/TV. Giám sát thi công xây dựng	81.140						Theo tiến độ gói thầu xây dựng
5	Gói thầu số 05/TV. Giám sát lắp đặt thiết bị	440.523						Theo tiến độ gói thầu thiết bị
TỔNG CỘNG		1.109.924						